TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
Ông Nguyễn Văn Lem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1977.
Địa chỉ: ấp a, xã T, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thanh T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

Ông Nguyễn Tấn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Bùi Thanh T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Tấn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Thanh T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu ông và bà T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thống nhất tiền bạc, cách làm ăn, thường xuyên cự cãi. Ông và bà T ly thân từ năm

2020 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà Bùi Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 16/01/2010, hiện cháu T đang sống chung với ông, ông có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Bùi Thanh T vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn B đối với bị đơn bà Bùi Thanh T. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà T. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông B đối với bà T, giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 16/01/2010 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông B không yêu cầu bà Thảo cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông B khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Bùi Thanh T đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập bà T tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do; Về phía ông Nguyễn Tấn B có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông Bửu cho rằng, thời gian đầu ông và bà T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thống nhất tiền bạc, cách làm ăn, thường xuyên cự cãi. Ông và bà T ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian

này giữa ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho bà T các phiên hòa giải, mục đích động viên cho bà và ông B đoàn tụ sống lại với nhau nhưng bà T không chấp hành, xem như bà T đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với ông B. Mặt khác, ông B kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông B và bà T không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà T.

Về con chung: Ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 16/01/2010, hiện cháu T đang sống chung với ông B. Ông B có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Xét thấy, hiện cháu T đang sống chung với ông B và được chăm sóc tốt, mặt khác cháu T có nguyện vọng được sống chung với ông B nên việc giao cháu T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông B đối với bà T, giao cháu T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Tấn B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Tấn B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của ông Nguyễn Tấn B đối với bà Bùi Thanh T.

Ông Nguyễn Tấn B được ly hôn với bà Bùi Thanh T.

[3] Về con chung: Ghi nhận ông Nguyễn Tấn B và bà Bùi Thanh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 16/01/2010. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông Nguyễn Tấn B đối với bà Bùi Thanh T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn B khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn B phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0000108 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Minh Tâm